

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 03/4/2023

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Phạm Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thái Hòa

2. Ông Trần Văn Chánh

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 711/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Anh Lệ T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 59 khu phố 1A, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN; Địa chỉ liên lạc: 108 Đường 3, ấp 2, xã XH, huyện XL, tỉnh ĐN (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 59 khu phố 1A, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn bà Trần Anh Lệ Thu có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện, các lời khai, tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Trần Anh Lệ T) và ông Nguyễn Minh T1 kết hôn năm 2007 tại UBND xã TH (nay là phường TH), thành phố BH, tỉnh ĐN và được UBND phường TH cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 102, quyền số 01 ngày 07/12/2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, quan điểm sống của hai vợ chồng không đồng nhất, vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi dẫn đến xung đột và không

còn tôn trọng lẫn nhau. Vì không muốn gia đình tan vỡ nên hai vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Do vậy, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và không chung sống với nhau được nữa. Tôi và ông T1 sống ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay, tôi sống tại nhà mẹ ruột của tôi tên Trần Anh Lệ T2 tại địa chỉ: 108 Đường 3, ấp 2, xã XH, huyện XL, tỉnh ĐN, không còn quan tâm chăm sóc nhau, không còn sinh hoạt vợ chồng từ lâu. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Toà án giải quyết cho tôi (T) được ly hôn với ông Nguyễn Minh T1.

- Về con chung: Tôi (Trần Anh Lệ T) và ông Nguyễn Minh T1 có 02 con chung tên Nguyễn Minh Gia K, sinh ngày 08/7/2008 và Nguyễn Nhật Nam A, sinh ngày 05/11/2015. Cháu K đang sống chung với ông T1 tại địa chỉ: Số 59 khu phố 1A, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN; hiện cháu đang theo học Lớp 9, Trường THCS TH, thành phố BH, cháu A đang sống với tôi tại nhà bà ngoại tên Trần Anh Lệ T2 tại địa chỉ: 108 Đường 3, ấp 2, xã XH, huyện XL, tỉnh ĐN. Hiện cháu đang theo học Lớp 1, Trường Tiểu Học HHA, huyện XL, tỉnh ĐN. Khi ly hôn, tôi đề nghị Toà án giao con chung Nguyễn Nhật Nam A cho tôi (T) chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Minh Gia K cho ông T2 chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Trước đây tôi làm công nhân tại Công ty TNHH nhà tư vấn East Wood – phường TV, thành phố BH, tỉnh ĐN. Tuy nhiên, tôi đã xin nghỉ việc tại Công ty trên, hiện tại tôi làm nghề tự do, thu nhập khoảng 13.000.000 đồng/tháng đảm bảo kinh tế nuôi con. Ông T2 làm nghề tự do, thu nhập khoảng 7.000.000đ/tháng đảm bảo tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về án phí: Tôi tự nguyện nộp theo quy định.

*\* Theo bản khai ngày 03/4/2023 và tại phiên toà, bị đơn ông Nguyễn Minh T1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Nguyễn Minh T1) thống nhất với đơn khởi kiện, lời khai, tài liệu, chứng cứ bà Trần Anh Lệ T cung cấp có tại hồ sơ. Nay bà T có đơn xin ly hôn với tôi thì tôi (T1) đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: Tôi (Nguyễn Minh T1) và bà Trần Anh Lệ T có 02 con chung tên Nguyễn Minh Gia K, sinh ngày 08/7/2008 và Nguyễn Nhật Nam A, sinh ngày 05/11/2015. Khi ly hôn, tôi đề nghị Toà án giao con chung Nguyễn Minh Gia K cho tôi chăm sóc, nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Nhật Nam A cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay tôi làm nghề tự do, thu nhập khoảng 7.000.000đ/tháng đảm bảo tiền nuôi con. Có nhà ở đảm bảo chỗ ở cho con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về án phí: Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Về thủ tục tố tụng:
- + Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng.
- + Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.
- + Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.
- + Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.
- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.
- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn bà Trần Anh Lệ T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật; bị đơn ông Nguyễn Minh T1 thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.
- Về đường lối giải quyết vụ án:
- + Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Anh Lệ T về quan hệ hôn nhân, về con chung. Còn về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.
- + Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Anh Lệ T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

Bị đơn bà Trần Anh Lệ T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 59 khu phố 1A, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn bà Trần Anh Lệ T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 15/3/2023, xét đơn bà T làm hợp lệ nên chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

**[2] Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Anh Lệ T và ông Nguyễn Minh T1 tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn UBND xã TH (nay là phường TH), thành phố BH, tỉnh ĐN và được UBND phường TH cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 102,

quyển số 01 ngày 07/12/2007. Căn cứ vào các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà T và ông T1 được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà Trần Anh Lệ T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ, bà T kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Minh T1 do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được như trình bày trên.

Theo biên bản xác minh ngày 06/10/2022 tại UBND phường TH, thành phố BH (Bút lục số 38) có tại hồ sơ ghi nhận nội dung: “Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trần Anh Lệ T và ông Nguyễn Minh T1 tại địa chỉ: Số 59 khu phố 1A, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN địa phương không nắm rõ do ông T1 và bà T không trình báo sự việc hay liên hệ để giải quyết mâu thuẫn”. Qua xem xét đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn và chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ xét thấy rằng mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 là có thật, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Minh T1 cũng thừa nhận giữa ông và bà T có mâu thuẫn như bà T trình bày trên và yêu cầu HĐXX giải quyết cho ông T1 được ly hôn với bà Trần Anh Lệ T, ý chí ông T1 là tự nguyện, không bị ai ép buộc nên chấp nhận. Như vậy, HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét xử cho nguyên đơn bà Trần Anh Lệ T được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Minh T1.

- Về con chung: Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung tên Nguyễn Nhật Nam A, sinh ngày 05/11/2015 cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Minh Gia K, sinh ngày 08/7/2008 cho ông T1 chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, ông T1 thống nhất với yêu cầu trên của bà T.

+ Đối với cháu Nguyễn Nhật Nam A, sinh ngày 05/11/2015: Hiện cháu A đang sống chung với bà T tại nhà mẹ ruột của bà T tên Trần Anh Lệ T2 tại địa chỉ: 108 Đường 3, ấp 2, xã XH, huyện XL, tỉnh ĐN; cháu A đang theo học Lớp 1, Trường Tiểu Học HHA, huyện XL, tỉnh ĐN; bà T làm nghề tự do, thu nhập khoảng 13.000.000đ/tháng đảm bảo kinh tế nuôi con. Theo bản khai ngày 07/4/2022 của cháu Nguyễn Nhật Nam A (Bút lục số 24) có tại hồ sơ, ý kiến cháu A khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu được chung sống với mẹ T, ý chí của cháu là tự nguyện nên ghi nhận. Như vậy, HĐXX xét thấy có cơ sở giao cháu Nguyễn Nhật Nam A cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Đối với cháu Nguyễn Minh Gia K, sinh ngày 08/7/2008: Theo lời khai của bà T có tại hồ sơ và lời khai của ông T1 tại phiên tòa thì cháu K đang sống chung với ông T1 tại địa chỉ: Số 59 khu phố 1A, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN; hiện cháu đang theo học Lớp 9, Trường THCS TH, thành phố BH; ông T1 làm nghề tự do, thu nhập khoảng 7.000.000đ/tháng đảm bảo kinh tế nuôi con. Theo bản khai ngày 07/4/2022 của cháu Nguyễn Minh Gia K (Bút lục số 25) có tại hồ sơ, ý kiến cháu K khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu được chung sống với ba T1, ý chí của cháu

là tự nguyện nên ghi nhận. Như vậy, HĐXX xét thấy có cơ sở giao cháu K cho ông T1 chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Nguyên đơn bà Trần Anh Lệ T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Anh Lệ T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T1.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Anh Lệ T được ly hôn với ông Nguyễn Minh T1.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật Nam A, sinh ngày 05/11/2015 cho bà Trần Anh Lệ T chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Minh Gia K, sinh ngày 08/7/2008 cho ông Nguyễn Minh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời bà T và ông T1 không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T và ông T1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền và lợi ích hợp pháp của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Anh Lệ T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn

đồng) tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0001773 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, bà T đã nộp đủ án phí.

3. Về kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Minh T1 có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn bà Trần Anh Lệ T vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND phường TH, TP. BH,  
tỉnh ĐN (Giấy chứng nhận kết hôn  
số 102, quyền số 01, ngày 07/12/2007);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**Nguyễn Phạm Tuấn**